

參、建國科技大學 112 學年度國際專修部外國學生入學需知

2023-2024 Academic Year Enrollment Guide for International Foundation Program

Những điều cần biết khi nhập học của của trường đại học công nghệ Kiên Quốc
2023-2024

一、學年度及修業年限 Academic Year and Program Duration / Năm học và thời gian học /

修 間 Year of Study	就讀單位 Institutes for the Program
第一年 First Year	華語文課程 – 國際專修部 Language Center -Office of International Foundation Program
第二年 ~ 第五年 Second to Fifth Year	工程學院 – 電機工程系、電子工程系、機械工程系、土木工程系 College of Engineering –Department of Electrical Engineering Department of Electronic Engineering Department of Mechanical Engineering Department of Civil Engineering

(一) 學年度：每學年自 8 月 1 日至翌年 7 月 31 日止，第一學期約 9 月中旬開學；第二學期約 2 月中旬開學。

Academic Year: Each academic year begins August, 1 and runs through July 31 of the following year. The fall semester starts mid September while the spring semester starts around mid February.

Năm học: Mỗi năm học được tính từ ngày 1 tháng 8 đến ngày 31 tháng 7 năm kế tiếp, kì đầu tiên khoảng giữa tháng 9 nhập học, kì thứ 2 nhập học khoảng giữa tháng 2

(二) 華語先修課程：1 學期至 1 學年，

通過 TOCFL A2 後銜接入重點產業領域相關系所就讀學士班
Preparatory Mandarin Courses:

from 1 semester to 1 year, after passing TOCFL A2, students can study for a bachelor's degree at a key industrial department.

Sinh viên không có kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Hoa có thể đăng ký khóa học tiếng Hoa của hệ 1 + 4 năm. Những sinh viên hoàn thành TOCFL A2 vào cuối năm đầu tiên có thể được nhận vào khoa mà sinh viên đã nộp đơn

(三) 學士：4 至 6 年 Bachelor's degree: 4 years. A further extension is no more than 2 years.

大二起須達華語文能力測驗 TOCFL 之聽力與閱讀測驗進階級 B1
students need to reach TOCFL B1 level from sophomore year onwards.

Bắt đầu từ năm thứ hai, sinh viên phải vượt qua kỳ thi kiểm định TOCFL cấp B1(cả 2 kỹ năng nghe và đọc)

(四) 畢業應修學分：本畢業應修學分應達 128 學分以上

Graduation credit requirements: at least 128 credits should be completed for graduation from this special class.

Tín chỉ tốt nghiệp cần thiết: Chuyên ban này có số tín chỉ cần học là 128 tín chỉ.

上者，得依本規定申請入學。前項所定 6 年，以擬入學當學期起始日期（2 月 1 日或 8 月 1 日）為終日計算之。前項所定海外，準用前條所規定。

Applicants of foreign nationality who concurrently hold a permanent residence status in HongKong or Macau, have no record of household registration in Taiwan and, at the time of application, has resided in Hong Kong, Macau, or another foreign country for no less than 6 years is qualified to apply for admission as an international student under these regulations.

The aforementioned “continuously resided overseas” refers to individuals whose duration of stay in Taiwan does not exceed a total of 120 days per calendar year. However, such a term may be exempt, if any of the conditions prescribed of the previous Article applies and is supported with written proof, and the said domestic length of stay shall be excluded from the overseas length of residency.

An applicant being a former citizen of Mainland China and holds a foreign nationality, having no history of household registration record in Taiwan, and at the time of application, has resided overseas continuously for no less than 6 years is qualified to apply for admission under these regulations.

The six years calculation period as prescribed in aforementioned shall be calculated from the starting date of the semester of intended enrollment (Feb.1st or Aug.1st) as the designated due date for the time of study.

The aforementioned paragraphs shall apply to in previous article term overseas as prescribed.

Những người có quốc tịch nước ngoài, cả hai thường trú tại Hồng Kông hoặc Ma Cao, và chưa thành lập đăng ký thường trú tại Đài Loan, đã ở Hồng Kông, Ma Cao hoặc ở nước ngoài liên tục trong hơn 6 năm tại thời điểm nộp đơn, có thể nộp đơn xin nhập học theo các quy định này.

Thời hạn cư trú liên tục như đã đề cập trong đoạn trước đề cập đến thời gian lưu trú trong nước cho mỗi năm dương lịch, không quá 120 ngày trong tổng số. Tuy nhiên, những người gặp một trong những trường hợp được liệt kê trong bài viết trước và có tài liệu hỗ trợ liên quan không phải chịu giới hạn này, thời gian lưu trú của họ ở trong nước sẽ không được đưa vào tính toán thời gian cư trú liên tục trong đoạn trước. Những người có quốc tịch nước ngoài ở Trung Quốc và không có hộ khẩu tại Đài Loan và đã cư trú ở nước ngoài hơn 6 năm tại thời điểm nộp đơn, có thể nộp đơn xin nhập học theo các quy định này. 6 năm quy định trong đoạn trước sẽ được tính dựa trên ngày bắt đầu (ngày 1 tháng 2 hoặc ngày 1 tháng 8) của học kỳ hiện tại sẽ được ghi danh. Ở nước ngoài quy định trong đoạn trước sẽ áp dụng các quy định của điều trước.

※ 申請資格依據教育部『外國學生來台就學辦法』<https://goo.gl/kYHqPY> 之規定。若有修改，以教育部公告為主。

The application qualifications are in accordance with the regulations of the Ministry of Education's "Regulations for Foreign Students Studying in Taiwan". If there is any modification, the announcement of the Ministry of Education shall prevail.

Tiêu chuẩn đăng ký tuyển sinh vào Đài Loan căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục “Biện pháp du học Đài Loan dành cho sinh viên nước ngoài”. <https://goo.gl/nVdEvv>. Nếu có bất cứ thay đổi nào thì sẽ căn cứ vào công bố mới nhất của Bộ Giáo dục.

肆、申請資格 Applicant's Identity / Tư cách nhập học /

一、國籍 Nationality / Quốc gia

(一) 本招生簡章所稱外國學生，指具外國國籍且未曾具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格者。

An individual of foreign nationality, who has never held the nationality of the Republic of China (R.O.C.) and does not possess overseas Chinese student status at the time of application;

Các sinh viên nước ngoài được đề cập trong hướng dẫn tuyển sinh này đề cập đến những người có quốc tịch nước ngoài và chưa bao giờ có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc, và không có bằng cấp của Hoa kiều tại thời điểm nộp đơn.

(二) 具外國國籍且符合下列規定，於申請時並已連續居留海外六年以上者(計算至 2023 年 8 月 1 日止且每年在台停留時間不超過 120 日)，亦得依規定申請入學：

An individual of foreign nationality, who has stayed overseas continuously for no less than 6 years (up to August 1, 2023), and also fulfills the following requirements:

Những người có quốc tịch nước ngoài và đáp ứng các yêu cầu sau đây và đã ở nước ngoài hơn sáu năm tại thời điểm nộp đơn (tính đến ngày 1 tháng 8 năm 2023 và ở lại Đài Loan không quá 120 ngày mỗi năm) cũng có thể đăng ký nhập học theo quy định:

1. 申請時兼具中華民國國籍者，應自始未曾在臺設有戶籍。

Individuals holding both foreign and R.O.C. nationalities but have never been part of a registered household in Taiwan.

Tại thời điểm xin học không có hộ khẩu Tung Hoa Dân Quốc, Từ đầu đến giờ chưa có hộ khẩu Đài Loan

2. 申請前曾兼具中華民國國籍，於申請時已不具中華民國國籍者，應自內政部許可喪失中華民國國籍之日起至申請時已滿八年。

Individuals holding foreign nationality who once held R.O.C. nationality but have not been part of a registered household as determined by the Ministry of Interior for at least 8 years (up to August 1, 2023).

Những người trước đây đã có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc trước khi nộp đơn và không có quốc tịch của Trung Hoa Dân Quốc tại thời điểm nộp đơn, tám năm kể từ ngày Bộ Nội vụ cho phép mất quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc cho đến khi nộp đơn.

3. 前二款均未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度經海外聯合招生委員會分發。

Regarding individuals mentioned in the preceding 2 subparagraphs, they must not have studied in Taiwan as an overseas Chinese student nor received placement permission during the same year of the application by the University Entrance Committee for Overseas Chinese Students.

Theo hai đoạn trên, chưa từng là thân phận hoa kiều nhập học, hơn nữa trong năm học này chưa từng nhập học theo Ủy ban tuyển sinh chung ở nước ngoài phân phối trong năm học.

(三) 具外國國籍，兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍，申請時於香港、澳門或海外連續居留滿 6 年以上者，得依本規定申請入學。前項所稱連續居留，指每歷年在國內停留期間，合計未逾 120 日。但符合前條所列情形之一且具相關證明文件者，不在此限；其在國內停留期間，不併入前項連續居留期間計算。

曾為大陸地區人民具外國國籍且未曾在臺設有戶籍，申請時已連續居留海外 6 年以